Biểu 04/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

HUYỆN PHÚ BÌNH- TỈNH THÁI NGUYÊN

STT	Loại đất, tên công trình	Mã đất	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)
I	**Đất trồng cây hàng năm khác**	**BHK**		
1	Diện tích tăng thêm		10,36	Xã Bàn Đạt
2	Diện tích tăng thêm		10,94	Xã Bảo Lý
3	Diện tích tăng thêm		8,56	Xã Tân Khánh
II	**Đất trồng cây lâu năm**	**CLN**		
1	Diện tích tăng thêm		200,00	Xã Bàn Đạt
2	Diện tích tăng thêm		30,13	Xã Đào Xá
3	Diện tích tăng thêm		60,21	Xã Dương Thành
4	Diện tích tăng thêm		45,62	Xã Kha Sơn
5	Diện tích tăng thêm		11,90	Xã Lương Phú
6	Diện tích tăng thêm		47,87	Xã Nga My
7	Diện tích tăng thêm		187,00	Xã Tân Hoà
8	Diện tích tăng thêm		197,00	Xã Tân Kim
9	Diện tích tăng thêm		352,45	Xã Tân Thành
10	Diện tích tăng thêm		8,87	Xã Thanh Ninh
III	**Đất nuôi trồng thủy sản**	**NTS**		
1	Diện tích tăng thêm		2,71	Xã Bàn Đạt
2	Diện tích tăng thêm		32,79	Xã Đào Xá
3	Diện tích tăng thêm		5,00	Xã Lương Phú
4	Diện tích tăng thêm		20,00	Xã Nhã Lộng
5	Diện tích tăng thêm		6,32	Xã Tân Đức
6	Diện tích tăng thêm		4,43	Xã Tân Khánh
7	Diện tích tăng thêm		0,26	Xã Tân Kim
8	Diện tích tăng thêm		1,12	Xã Tân Thành
9	Diện tích tăng thêm		2,02	Xã Thanh Ninh
10	Diện tích tăng thêm		16,85	Xã Thượng Đình
11	Diện tích tăng thêm		10,00	Xã Úc Kỳ
12	Diện tích tăng thêm		12,09	Xã Xuân Phương
IV	**Đất nông nghiệp khác**	**NKH**		
1	Trang trại Đồng Soi Sứ		6,34	Xã Đào Xá
2	Trang trại xóm Đoàn Kết		1,61	Xã Đào Xá
3	Vùng rau sạch xóm Quyết Thắng		5,81	Xã Dương Thành
4	Đất nông nghiệp khác xóm Nguộn		2,00	Xã Dương Thành
5	Trang trại xóm Tiến Bộ		3,00	Xã Dương Thành
6	Trang trại xóm Phẩm 2		28,83	Xã Dương Thành
7	Trang trại chăn nuôi tập trung Đồng Suốn		2,00	Xã Hà Châu
8	Khu chăn nuôi xóm Bình Định		2,00	Xã Kha Sơn
9	Khu trồng rau sạch		1,20	Xã Kha Sơn
10	Trang trại		1,10	Xã Nga My
11	Trang trại chăn nuôi tập trung		6,00	Xã Nhã Lộng
12	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Tân Đức		90,00	Xã Tân Đức
13	Khu chăn nuôi tập trung xóm Lũa		9,39	Xã Tân Đức
14	Khu chăn nuôi tập trung xóm Diễn Cầu		5,13	Xã Tân Đức
15	Đất Nông nghiệp khác		0,70	Xã Tân Đức

16	Khu chăn nuôi tập trung đồng ông Trâm		3,00	Xã Tân Hoà
17	Đất nông nghiệp khác xóm Hoàng Mai 1		6,00	Xã Tân Khánh
18	Đất nông nghiệp khác xóm Hoàng Mai 2		1,47	Xã Tân Khánh
19	Đất nông nghiệp khác (khu trông cây dược liệu)		3,62	Xã Tân Khánh
20	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao		56,21	Xã Tân Kim
21	Khu nông nghiệp công nghệ cao		1,81	Xã Tân Kim
22	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung Phú Bình 1		115,11	Xã Tân Thành
23	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung Phú Bình 2		41,00	Xã Tân Thành
24	Trang trại, khu chăn nuôi tập trung (đồng Bầu Ngoài)		4,05	Xã Tân Thành
25	Khu chăn nuôi tập trung xóm Đồng Trong		1,80	Xã Thanh Ninh
26	Khu chăn nuôi tập trung xóm Nam Hương 2		1,94	Xã Thanh Ninh
27	Đất nông nghiệp khác		11,23	Xã Thượng Đình
28	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung		60,00	Xã Úc Kỳ
29	Khu sản xuất rau sạch khu Soi Nổi		11,10	Xã Úc Kỳ
V	**Đất quốc phòng**	**CQP**		
1	Trường bắn/Ban CHQS huyện Phú Bình		6,10	Xã Bàn Đạt
2	Mở rộng thao trường bắn/Trường QSQK I		0,00	Xã Bàn Đạt
3	Mở rộng thao trường huấn luyệnTrường Quân sự/Quân khu I		2,61	Xã Bàn Đạt, Xã Tân Khánh
4	Cụm huấn luyện phía Tây huyện		3,00	Xã Điềm Thuỵ
5	Thao trường bắn của Ban chỉ huy quân sự huyện		6,10	Xã Kha Sơn
6	Thao trường bắn xã Tân Thành		2,83	Xã Tân Thành
7	Hầm họp Huyện uỷ/CCCĐ huyện Phú Bình		65,00	Xã Tân Thành
8	Trạm sửa chữa của Trường Quân sự Quân khu I		0,31	Xã Thượng Đình
9	Mở rộng Doanh trại đóng quân của Trường quân sự Quân Khu I		3,80	Xã Thượng Đình
10	Thao trường huyến luyện mới Trường Quân sự Quân Khu I		7,61	Xã Thượng Đình
VI	**Đất an ninh**	**CAN**		
1	Mở rộng Trụ sở Công an huyện		2,10	TT. Hương Sơn
2	Đồn Công an Khu công nghiệp Điềm Thụy		0,90	Xã Điềm Thuỵ
3	Trạm Cảnh sát giao thông QL37		1,00	Xã Kha Sơn
4	Đội Cảnh sát chữa cháy và CNCH Phú Bình		1,00	Xã Kha Sơn
5	Trụ sở công an xã, thị trấn		3,30	Các Xã Phường
VII	**Đất khu công nghiệp**	**SKK**		
1	Khu Công nghiệp Phú Bình (Khu Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ 900 ha, trong đó phần diện tích Đô thị - Dịch vụ là 225 ha, diện tích Khu CN là 675 ha)		675,00	TT.Hương Sơn, X.Lương Phú, X Tân Hoà
2	Khu công nghiệp Điềm Thụy trên địa bàn huyện Phú Bình (Khu A+B diện tích là 220 ha)		85,47	Xã Điềm Thuỵ, Xã Thượng Đình
3	Khu công nghệ thông tintập trung Yên Bình trên địa bàn huyện Phú Bình		63,10	Xã Nga My
4	Khu công nghiệp Yên Bình 2 trên địa bàn huyện Phú Bình		102,70	Xã Nga My,Xã Điềm Thuỵ
5	Khu công nghiệp Yên Bình 3		260,00	Xã Nga My
6	Khu Công nghiệp Thượng Đình diện tích là 130 ha		130,00	Xã Thượng Đình
VIII	**Đất cụm công nghiệp**	**SKN**		
1	Cụm công nghiệp Điềm Thuỵ		64,00	Xã Điềm Thuỵ
2	Cụm công nghiệp Hà Châu 1		74,68	Xã Hà Châu
3	Cụm công nghiệp Hà Châu 2		72,00	Xã Hà Châu
4	Cụm công nghiệp Lương Phú - Tân Đức		74,50	Xã Tân Đức, Lương Phú
5	Cụm công nghiệp Bảo Lý- Xuân Phương		75,00	Xã Nga My, Xuân Phương, Kha Sơn
6	CCN Tân Đức		74,50	Xã Tân Đức

7	CCN Hạnh Phúc- Xuân Phương		73,88	Xã Xuân Phương
IX	**Đất thương mại, dịch vụ**	**TMD**		
1	Trung tâm thương mại và dịch vụ hỗn hợp Phú Bình tại thị trấn Hương Sơn		0,45	TT. Hương Sơn
2	Cửa hàng tự chọn và dịch vụ thương mại, ẩm thực tại Tổ dân phố Đình Cả 1 và tổ dân phố Đình Cả 2		1,01	TT. Hương Sơn
3	Dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp Phú Bình, thị trấn Hương Sơn		0,34	TT. Hương Sơn
4	Trụ sở Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		0,19	TT. Hương Sơn
5	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		0,50	TT. Hương Sơn
6	Đất thương mại dịch vụ tại Khu Công nghiệp - đô thị - dịch vụ huyện Phú Bình		22,68	Hương Sơn, Tân Hoà, Lương Phú
7	Đất thương mại dịch vụ xã Điềm Thuỵ		2,00	Xã Điềm Thuỵ
8	Khu liên hiệp kho vận Điềm Thụy		5,00	Xã Điềm Thuỵ
9	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		3,00	Xã Điềm Thuỵ
10	Khu trông giữ xe và đón trả công nhân Samsung (Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Anh Mão)		0,74	Xã Kha Sơn
11	Đất thương mại dịch vụ tại xã Kha Sơn		0,25	Xã Kha Sơn
12	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		1,00	Xã Kha Sơn
13	Đất thương mại dịch vụ xã Lương Phú		1,00	Xã Lương Phú
14	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		1,00	Xã Lương Phú
15	Trung tâm dịch vụ tổng hợp Núi Ngọc		2,20	Xã Nga My
16	Đất thương mại dịch vụ xã Nga My		2,00	Xã Nga My
17	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		0,75	Xã Nhã Lộng
18	Trụ sở làm việc, nhà kho, xưởng sản xuất HTX Tân Ngọc		0,40	Xã Tân Đức
19	Đất thương mại, dịch vụ trong Khu dân cư và du lịch sinh thái Hồ Trại Gạo		6,00	Xã Tân Hoà
20	Đất thương mại dịch vụ trong Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ huyện Phú Bình		7,50	Xã Tân Hoà
21	Đất thương mại dịch vụ xã Tân Kim		1,00	Xã Tân Kim
22	Đất thương mại dịch vụ tại Khu dân nông thôn kết hợp công viên giải trí Tân Thành, Khu dân cư mới Nam hồ Kim Đĩnh, Khu dân cư nông thôn mới hồ Kim Đĩnh, Khu dân cư nông thôn mới Tân Kim - Tân Thành, Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 1, Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 2, Khu dân cư nông thôn mới kết hợp sinh thái Kim Thành (Tổng diện tích 740 ha, trong đó đất thương mại dịch vụ 40 ha).		40,00	Xã Tân Thành
23	Khu trưng bày, bán sản phẩm hóa dầu và dịch vụ tiện tích Thượng Đình		0,27	Xã Thượng Đình
24	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		1,00	Xã Úc Kỳ
25	Đất thương mại dịch vụ trong các khu đô thị, khu dân cư		1,00	Xã Xuân Phương
X	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**	**SKC**		
1	Nhà máy nước Phú Bình		1,41	TT. Hương Sơn
2	Nhà máy nước sạch xã Bảo Lý		2,50	Xã Bảo Lý
3	Dự án sản xuất bia và nước uống tinh khiết		2,05	Xã Điềm Thuỵ
4	Cơ sở kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng, chế tạo cơ khí Tuân Vân		1,20	Xã Hà Châu
5	Cơ sở sản xuất và trưng bày sản phẩm thời trang may Phú Lâm (Công ty Hà Sơn)		0,21	Xã Kha Sơn
6	Nhà máy nước sạch xã Kha Sơn		1,60	Xã Kha Sơn
7	Nhà máy nước sạch xã Tân Đức		0,50	Xã Tân Đức
8	Nhà xưởng, trụ sở làm việc Hợp tác xã Tân Ngọc		1,17	Xã Tân Đức
9	Cơ sở sản xuất lâm sản thương mại Tuấn Nghĩa		0,40	Xã Tân Khánh

10	Cơ sở sản xuất lâm sản Nguyễn Văn Sơn		0,18	Xã Tân Khánh
11	Xưởng sản xuất gỗ công nghiệp Tín Đức		0,90	Xã Tân Kim
12	Cơ sở sản xuất gỗ ván ép Lâm Viết Cương		0,10	Xã Tân Kim
13	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp các xã, thị trấn		0,20	Các Xã, Thị trấn
XI	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng**	**SKX**		
1	Khai thác mỏ cát, sỏi tại Khu vực xóm Bồng Lai, xã Thượng Đình và xóm Ngược, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình và công trình phụ trợ		6,91	Xã Bảo Lý, Thượng Đình
2	Khai thác mỏ cát sỏi khu vực Gò Gẩy, xã Nhã Lộng và khu vực soi ấp, xã Hà châu (Cty cổ phần Quốc Cường Mê Linh)		15,00	Xã Hà Châu, Nhã Lộng
3	Mỏ cát sỏi khu vực xóm Nga My, xã Nga My và xóm Đồng Ngọc, Hà Châu, huyện Phú Bình (CN Hà Nội)		6,75	Xã Hà Châu, Nga My
4	Khai thác cát sỏi tại khu vực Gò lai, xóm Gò Lai và Bồng lai, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình		6,30	Xã Thượng Đình
5	Mỏ cát, sỏi tại Khu vực xóm Ngược, xã Nhã Lộng và xã Bảo Lý		18,00	Xã Bảo Lý, Nhã Lộng
6	Mỏ cát sỏi khu vực Đoàn Kết xã Đào Xá		5,98	Xã Đào Xá
7	Mỏ đất san lấp khu vực xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh		22,66	Xã Bàn Đạt
8	Mỏ đất san lấp khu vực núi Mồ, xã Điềm Thụy; khu vực núi Pheo và núi Thiệp, xã Úc Kỳ		11,66	Xã Điềm Thuỵ, Úc Kỳ
9	Khai thác đất làm vật liệu san lấp khu vực các xóm Làng Cà, Làng Ngò, Vực Giảng xã Tân Hòa		2,70	Xã Tân Hoà
10	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực thị trấn Hương Sơn và xóm Nhi xã Kha Sơn.		20,75	TT. Hương Sơn, X. Khá Sơn
11	Mỏ đất san lấp khu vực xã Tân Thành, xã Tân Hoà		15,60	Xã Tân Thành, Tân Hoà
12	Mỏ đất san lấp khu vực xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh		4,50	Xã Tân Khánh
13	Mỏ đất san lấp khu vực xã Bảo Lý, xã Tân Thành và xã Tân Hòa		33,70	Xã Tân Thành, Tân Hoà, Bảo lý
14	Mỏ đất xóm Hoà Lâm, xã Tân Thành		12,77	Xã Tân Thành
15	Mỏ đất xóm Đồng Bốn, xã Tân Thành		12,40	Xã Tân Thành
16	Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Ngoài, xóm Giữa xã Xuân Phương		2,00	Xã Xuân Phương
XII	**Đất giao thông**	**DGT**		
1	Đường Bắc Giang - Thái Nguyên		72,57	Xã Tân Đức, Tân Hoà, ,TT. Hương Sơn, Tân Kim, Bảo Lý, Tân Khánh, Đào Xá, Bàn Đạt
2	Tuyến đường vành đai V qua địa bàn huyện Phú Bình		79,80	Xã Hà Châu, Nga My, Xuân Phương, TT. Hương Sơn, Lương Phú, Tân Đức
3	Đường Đèo Khê, xã Tân Thành - Bờ La, xã Tân Kim		7,92	Xã Tân Kim, Tân Thành
4	Đường Hương Sơn-Thượng Đình-Bảo Lý-Xuân Phương-Kha Sơn		41,94	Kha Sơn, Xuân Phương, Bảo Lý, Đào Xá, Thượng Đình,

5	Tuyến đường Vành Đai I (Từ Quốc lộ 37 tại xã Thượng Đình đi xã Đào Xá - Bàn Đạt đi huyện Đồng Hỷ)		25,36	Xã Thượng Đình, Đào Xá, Xã Bàn Đạt
6	Tuyến đường nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B tỉnh Thái Nguyên.(VĐ2)		7,89	Xã Tân Thành, Xuân Phương
7	Tuyến đường nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B tỉnh Thái Nguyên.(VĐ2) (Tam giác cầu mây- đường 269B Tân Thành)		12,03	Xã Tân Kim
8	Mở rộng ĐT266 Sông Công - Điềm Thụy - Hà Châu (rộng nền đường từ 5,0 m lên 12,0 m, phần diện tích bảo vệ, bảo trì đường bộ hai bên 4,0 m)		44,41	Xã Điềm Thuỵ, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu
9	Đường nối Đường vành đai 5 với Quốc lộ 37 (Cạnh đền thờ anh hùng liệt sỹ) và đi hồ Kim Đĩnh		26,26	TT. Hương Sơn, Xuân Phương, Tân Hoà, Tân Kim
10	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 261, đoạn từ Km 46+200 - Km49+982 và cầu Dẽo tại lý trình Km45+136		8,16	Xã Điềm Thuỵ
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT261-ĐT266		6,93	Xã Điềm Thuỵ
12	Đường giao thông cụm di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối		0,95	Xã Tân Thành
13	Đường tránh lũ xã Xuân Phương (Đoạn từ Quốc lộ 37 đến đường Vành đai 5)		7,15	Xã Xuân Phương
14	Đường giao thông vào trụ sở UBND xã Đào Xá mới		0,15	Xã Đào Xá
15	Xây dựng khu trung tâm xã Nhã Lộng (hạng mục: tuyến đường giao thông từ UBND xã Nhã Lộng đi Trường Mầm non Nhã Lộng)		0,40	Xã Nhã Lộng
16	Đường đi vào sân lễ hội Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối		0,27	Xã Tân Thành
17	Dự án xây dựng công trình cầu Na Mé xã Bàn Đạt		0,12	Xã Bàn Đạt
18	Điểm trông giữ xe Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối		3,26	Xã Tân Thành
19	Tuyến đường theo bờ kênh 4, xã Dương Thành		0,20	Xã Dương Thành
20	Hiến đất để mở rộng đường giao thông và làm đường giao thông vào vị trí chuyển mục đích		10,00	Các Xã, Thị trấn
21	Mở rộng đường giao thông các xã, thị trấn và đường trong các khu đô thị, khu dân cư, trung tâm hành chính		252,13	Các Xã, Thị trấn
XIII	**Đất thủy lợi**	**DTL**		
1	Công trình Kè chống xói lở bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình		1,33	Xã Bảo Lý
2	Công trình Kè chống xói lở bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, xã Bảo Lý và xã Đào Xá, huyện Phú Bình		1,50	Xã Đào Xá
3	Công trình Tuyến đê Hà Châu (đoạn từ Km3+500 - Km3+700 và đoạn từ Km4+950 -KM5+350)		1,82	Xã Hà Châu
4	Nâng cấp đê Hà Châu chống lũ, kết hợp làm đường giao thông phục vụ phát triển dân sinh		1,75	Xã Hà Châu
5	Công trình Kè chống xói lở bờ sông cầu bảo vệ khu dân cư, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình		2,00	Xã Xuân Phương
6	Công trình Kè chống sạt lở bờ sông bảo vệ khu dân cư tại vị trí xóm Soi 2, xóm Trại 1, xóm Múc, xã Úc Kỳ		3,10	Xã Úc Kỳ
7	Hệ thống kênh mương nội đồng các xã, thị trấn		56,17	Các Xã, TT.
XIV	**Đất xây dựng cơ sở văn hóa**	**DVH**		
1	Quảng trường huyện Phú Bình		1,36	TT. Hương Sơn
2	Quảng trường thuộc dự án Khu đô thị Hành chính - Dịch vụ tổng hợp Phú Bình (Tổng diện tích 150 ha, trong đó đất xây dựng Quảng Trường, công viên cây xanh 22 ha)		20,11	TT. Hương Sơn
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã Bàn Đạt		1,30	Xã Bàn Đạt

4	Nhà văn hóa Trung tâm xã Nhã Lộng		0,51	Xã Nhã Lộng
5	Nhà văn hóa xã Tân Hòa		0,18	Xã Tân Hoà
6	Quảng trường thuộc dự án Khu đô thị Hành chính - Dịch vụ tổng hợp Phú Bình (Tổng diện tích 150 ha, trong đó đất xây dựng Quảng Trường, công viên cây xanh 22 ha)		2,60	Xã Tân Hoà
7	Trung tâm văn hoá xã Tân Kim		0,03	Xã Tân Kim
8	Mở rộng nhà văn hóa xóm La Đuốc		0,56	Xã Tân Kim
9	Nhà văn hóa xóm La Lẻ		0,40	Xã Tân Thành
10	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thanh Ninh		0,59	Xã Thanh Ninh
11	Cải tạo, nâng cấp Đền thờ các anh hùng liệt sỹ huyện Phú Bình		0,65	Xã Xuân Phương
XV	**Đất xây dựng cơ sở y tế**	**DYT**		
1	Đất cơ sở y tế tại TT. Hương Sơn		1,64	TT. Hương Sơn
2	Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên		13,77	Xã Bảo Lý
3	Đất cơ sở y tế tại Xã Lương Phú		2,78	Xã Lương Phú
4	Đất cơ sở y tế tại xã Thượng Đình (Tổng diện tích 57,15 ha, trong đó: Giai đoạn 2021-2030 thực hiện 5 ha)		5,00	Xã Thượng Đình
5	Đất xây mới, mở rộng trạm y tế các xã, thị trấn		1,52	Các Xã, Thị trấn
XVI	**Đâất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo**	**DGD**		
1	Mở rộng trường THPT Phú Bình		0,30	TT. Hương Sơn
2	Mở rộng Trung tâm dạy nghề		0,33	TT. Hương Sơn
3	Cơ sở giáo dục đào tạo tại xã Thượng Đình		5,40	Xã Thượng Đình
4	Công trình nhà lớp học và một số công trình phụ trợ trường Tiểu học Hà Châu		0,05	Xã Hà Châu
5	Cơ sở giáo dục đào tạo tại TT Hương Sơn		0,82	TT. Hương Sơn
6	Mở rộng Trường Mầm Non Bảo Lý		0,04	Xã Bảo Lý
7	Trường mầm non xã Điềm Thụy		0,30	Xã Điềm Thuỵ
8	Trường mầm non xã Dương Thành		0,32	Xã Dương Thành
9	Mở rộng Trường Mầm non xã Hương Sơn		0,31	TT. Hương Sơn
10	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo trong dân cư xã Nga My		10,00	Xã Nga My
11	Trường Mầm non trung tâm xã Nhã Lộng		0,52	Xã Nhã Lộng
12	Trường mầm non Tân Hòa		0,15	Xã Tân Hoà
13	Trường Mầm non xã Thượng Đình		0,33	Xã Thượng Đình
14	Xây mới, mở rộng trường THCS, tiểu học, mầm non,… trên địa bàn các xã, thị trấn		3,07	Các Xã, Thị trấn
XVII	**Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao**	**DTT**		
1	Đất thể dục thể thao tại Khu sân golf và học viện golf Phú Bình (Tổng diện tích 90 ha, trong đó đấtthể dục thể thao 90 ha).		90,00	Xã Tân Thành, Tân Kim
2	Công trình sân vận động, thể thao núi Cạm		2,60	Xã Kha Sơn
3	Sân thể thao trung tâm xã Tân Kim		0,22	Xã Tân Kim
4	Sân thể thao các xã, thị trấn		4,50	Các Xã, Thị trấn
XVIII	**Đất công trình năng lượng**	**DNL**		
1	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp (Dự án KFW3)		0,07	TT.Hương Sơn, X.Điềm Thuỵ
2	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 373 Gò Đầm - 373 Phú Bình.		0,01	Xã Đào Xá
3	Dự án cải tạo lưới điện trung, hạ áp tỉnh Thái Nguyên		0,02	Xã Điềm Thuỵ
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình xuất tuyến 22 KV, 35KV và trạm biến áp Yên Bình 2		0,04	Xã Hà Châu
5	Dự án cải tạo, nâng cấp chống quá tải đường dây 10kV sau trạm trung gian Phú Bình 2 lên 22kV		0,05	Xã Kha Sơn

6	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp (Dự án KFW3)		0,04	Xã Kha Sơn
7	Trạm biến áp chống quá tải khu vực huyện Phú Bình và huyện Đồng Hỷ năm 2022		0,09	Xã Nhã Lộng
8	Tiểu dự án mở rộng và cải tạo lưới điện trung áp hạ áp tỉnh Thái Nguyên thuộc Dự án phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA		0,20	Các xã
9	Công trình nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 472E6.17 và 474E6.17 theo phương án đa chia - đa nối (MDMC)		0,04	Xã Thượng Đình
10	Trạm biến áp khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình		2,50	Xã Tân Hoà
11	Dự án xây dựng công trình cải tạo chống quá tải (đường dây 971, 972, 974 trung gian Phú Bình lên 22kV, 35 kV)		0,39	Các Xã, Thị trấn
12	Công trình năm lượng các xã, thị trấn		10,00	Các Xã, Thị trấn
13	Trạm 220 KV Phú Bình 2		4,88	Các Xã, Thị trấn
XIX	**Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia**	**DKG**		
1	Kho dự trữ quốc gia		4,74	Xã Điềm Thuỵ
XX	**Đất có di tích lịch sử văn hóa**	**DDT**		
1	Mở rộng chùa Cao Báng (Tổng diện tích 36 ha, trong đó đất xây dựng Đình - Đền - Chùa 10 ha; đất cây xanh,cảnh quan, hạ tầng giao thông 26 ha)		10,00	Xã Tân Khánh, Tân Kim
2	Mở rộng sân lễ hội Khu Di tích Đình Đền Chùa Cầu Muối		3,00	Xã Tân Thành
3	Mở rộng Cụm di tích Đình - Đền - Chùa Cầu Muối (Tổng diện tích 130 ha, trong đó đất xây dựng Đình - Đền - Chùa 20 ha; đất cấy xanh, cảnh quan, hạ tầng giao thông 110 ha)		20,00	Xã Tân Thành
4	Tu bổ di tích Quốc gia Đình Xuân La tại xã Xuân Phương		1,00	Xã Xuân Phương
XXI	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**	**DRA**		
1	Mở rộng bãi rác thải thị trấn Hương Sơn		2,50	TT. Hương Sơn
2	Nhà máy xử lý môi trường công nghệ cao		15,00	Xã Bảo Lý, Tân Khánh
3	Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình		30,10	Xã Tân Thành
4	Điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn		9,53	Các Xã, Thị trấn
XXII	**Đất cơ sở tôn giáo**	**TON**	**1,32**	
1	Chùa Khánh Long		1,32	Xã Tân Hoà
XIII	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**	**NTD**		
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đình Sơn		3,00	TT.Hương Sơn, Xã Kha Sơn
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Lương Phú		0,50	Xã Lương Phú
3	Nghĩa trang sông cầu (An Lạc Viên)		7,28	Xã Nga My
4	Nghĩa trang liệt sỹ xã Nhã Lộng		0,09	Xã Nhã Lộng
5	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Hoà		5,00	Xã Tân Hoà
6	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Khánh		0,05	Xã Tân Khánh
7	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Thành		1,20	Xã Tân Thành
8	Công viên nghĩa trang Ngân Hà Viên Tân Thành (Tổng diện tích 50 ha)		30,00	Xã Tân Thành
9	Xây dựng Nghĩa trang liệt sỹ xã Thanh Ninh		0,67	Xã Thanh Ninh
XXIV	**Đất chợ**	**DCH**		
1	Chợ Bảo Lý		0,50	Xã Bảo Lý
2	Chợ Đầu mối Điềm Thụy, Phú Bình (tổng diện tích 19 ha)		9,15	Xã Điềm Thuỵ
3	Chợ xã Thượng Đình		0,76	Xã Thượng Đình
XXV	**Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**	**DKV**		

1	Đất vui chơi giải trí công cộng trong Khu dân cư nông thôn mới kết hợp công viên giải trí Tân Thành		21,00	Xã Tân Thành, Tân Kim
2	Công viên cây xanh trong Khu Đô thị Hành Chính - Dịch vụ tổng hợp Phú Bình (Tổng diện tích 150 ha, trong đó đất công viên cây xanh 37,18 ha)		37,18	TT. Hương Sơn, Xã Tân Hoà
3	Đất công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng trong các khu dân cư, khu đô thị và trung tâm các xã, thị trấn.		87,53	Các Xã, Thị trấn
XXVI	**Đất ở tại nông thôn**	**ONT**		
1	Khu dân cư Lương Phú - Tân Hòa (Tổng diện tích 19,5 ha, trong đó đất ở 9,24 ha)		9,24	Lương Phú
2	Khu dân cư số 1 Lương Phú (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 6 ha)		9,00	Lương Phú
3	Khu dân cư trung tâm xã Lương Phú (Tổng diện tích 10,3 ha, trong đó đất ở 3,09 ha)		3,09	Lương Phú
4	Khu dân cư mới Đại Đồng huyện Phú Bình (Tổng diện tích 19 ha, trong đó đất ở 8,7 ha)		8,70	Xã Hà Châu, Nga My
5	Khu dân cư mới Ngọc Hà (Tổng diện tích 11,5 ha, trong đó đất ở là 9,16 ha)		9,16	Xã Hà Châu, Nga My
6	Đất ở trong Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình		26,00	Tân Hoà
7	Khu dân cư Thanh Lương xã Tân Hòa (Tổng diện tích 33,47 ha), trong đó đất ở 14,04 ha		14,04	Tân Hoà
8	Khu đô thị Phú Bình 7 (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 6 ha)		6,00	Tân Hoà
9	Khu đô thị Phú Bình 8 (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 6 ha)		6,00	Tân Hoà
10	Khu đô thị sinh thái hồ Trại Gạo (Tổng diện tích 50 ha, trong đó đất ở 15 ha)		15,00	Tân Hoà
11	Khu Nhà ở xã hội và Tái định cư Tân Hoà (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 9,0 ha)		9,00	Tân Hoà
12	Khu tái định cư Tân Hoà 1 (Tổng diện tích 13,8 ha, trong đó đất ở 4,14 ha)		4,14	Tân Hoà
13	Khu tái định cư Tân Hoà 2 (Tổng diện tích 18,1 ha, trong đó đất ở 5,43 ha)		5,43	Xã Tân Hoà, Tân Thành
14	Khu dân cư Trung tâm xã Bàn Đạt 15,0 ha, trong đó diện tích đất ở 6,60 ha		6,60	Xã Bàn Đạt
15	Khu dân cư số 1 xã Bảo Lý (Tổng diện tích 11 ha. Trong đó đất ở là 4,40 ha)		4,40	Xã Bảo Lý
16	Khu dân cư trung tâm xã Đào Xá (Tổng diện tích 9,7 ha, trong đó đất ở là 3,91 ha)		3,91	Xã Đào Xá
17	Điểm dân cư sinh thái Điềm Thụy (Tổng diện tích 9,1 ha, trong đó đất ở là 2,73 ha)		2,73	Xã Điềm Thuỵ
18	Khu dân cư và tái định cư xóm Trạng xã Điềm Thụy (Tổng diện tích 6,5 ha, trong đó đất ở là 1,95 ha)		1,95	Xã Điềm Thuỵ
19	Khu dân cư và tái định cư xóm Trung xã Điềm Thụy (Tổng diện tích 9,0 ha, trong đó đất ở 3,15 ha)		3,15	Xã Điềm Thuỵ
20	Khu nhà ở xã hội Điềm Thụy (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở là 1,5 ha)		1,50	Xã Điềm Thuỵ
21	Khu tái định cư Khu công nghiệp Điềm Thuỵ 180 ha (Tổng diện tích 18,0 ha, trong đó đất ở là 3,9 ha)		6,29	Xã Điềm Thuỵ
22	Khu dân cư trung tâm xã Dương Thành (Tổng diện tích 10,6 ha, trong đó đất ở 3,18 ha)		3,18	Xã Dương Thành

23	Khu dân cư và tái dịnh cư, xã Hà Châu (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 3 ha)		3,00	Xã Hà Châu
24	Khu dân cư xóm Củ xã Hà Châu (Tổng diện tích 7,05 ha, trong đó đất ở là 2,13 ha)		2,13	Xã Hà Châu
25	Khu dân cư số 3 xã Kha Sơn (Tổng diện tích 88 ha, trong đó đất ở 29,55 ha)		29,55	Xã Kha Sơn
26	Khu dân cư số 4 xã Kha Sơn (Tổng diện tích 107 ha, trong đó đất ở 32,1 ha)		46,49	Xã Kha Sơn
27	Điểm dân cư phía Tây Bắc, xã Kha Sơn (Tổng diện tích 10,98 ha, trong đó đất ở là 3,3 ha)		3,30	Xã Kha Sơn
28	Dự án xây dưng Khu dân cư mới Phú Lâm, xã Kha Sơn (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở là 1,5 ha)		1,50	Xã Kha Sơn
29	Khu dân cư cửa ngõ Đông Nam tỉnh Thái Nguyên (Tổng diện tích 29,175 ha, trong đó đất ở là 8,75 ha)		8,75	Xã Kha Sơn
30	Khu dân cư Kha Bình Lâm (Khu dân cư số 5 xã Kha Sơn) (Tổng diện tích 6,88 ha, trong đó đất ở là 2,07 ha)		2,07	Xã Kha Sơn
31	Khu dân cư Kha Sơn (Tổng diện tích 17 ha, trong đó đất ở là 5,1 ha		5,10	Xã Kha Sơn
32	Khu dân cư số 1 xã Kha Sơn (Tổng diện tích 25 ha, trong đó đất ở 7,5 ha)		7,50	Xã Kha Sơn
33	Khu dân cư số 7 Kha Sơn (Tổng diện tích 3,5 ha, trong đó đất ở 1,5 ha)		1,50	Xã Kha Sơn
34	Khu dân cư số 9 Kha Sơn (Tổng diện tích 1,2 ha, trong đó đất ở 1,2 ha)		1,20	Xã Kha Sơn
35	Khu dân cư và trung tâm hành chính tổng hợp xã Kha Sơn (KĐT kiểu mẫu) (Tổng diện tích 49 ha, trong đó đất ở là 14,7ha)		23,40	Xã Kha Sơn
36	Khu dân cư số 8 Kha Sơn, Nga My (Tổng diện tích 4,20 ha, trong đó đất ở 4,20 ha)		4,20	Xã Kha Sơn, Nga My
37	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My (Tổng diện tích 5,7 ha, trong đó đất ở là 1,71 ha)		1,71	Xã Nga My
38	Khu dân cư Nga My (Tổng diện tích 110 ha, trong đó đất ở là 33ha)		33,00	Xã Nga My
39	Khu dân cư số 8 xã Nga My (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 3 ha)		3,00	Xã Nga My
40	Khu dân cư và tái định cư số 1, xã Nga My (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 3 ha)		3,00	Xã Nga My
41	Khu dân cư Núi Ngọc (Tổng diện tích 45 ha, trong đó đất ở là 13,5 ha)		26,68	Xã Nga My - Úc Kỳ
42	Điểm dân cư xóm Trại, xã Nhã Lộng (Khu dân cư số 5 xã Nhã Lộng) (Tổng diện tích 12 ha, trong đó đất ở là 3,3 ha)		3,30	Xã Nhã Lộng
43	Điểm dân cư trung tâm xã Tân Đức (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở là 1,5 ha)		1,50	Xã Tân Đức
44	Khu dân cư số 1 xã Tân Đức (Tổng diện tích 25,9 ha, trong đó đất ở 8,77 ha)		8,77	Xã Tân Đức
45	Khu dân cư số 2 xã Tân Đức (Tổng diện tích 19 ha, trong đó đất ở 5,7 ha)		5,70	Xã Tân Đức
46	Khu dân cư số 2A xã Tân Đức, huyện Phú Bình (Tổng diện tích 11 ha, trong đó đất ở 5,3 ha)		5,30	Xã Tân Đức
47	Khu dân cư số 3 xã Tân Đức (Tổng diện tích 30 ha, trong đó đất ở 10,0 ha)		10,00	Xã Tân Đức

48	Khu dân cư số 4 xã Tân Đức (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở 1,5 ha)		1,50	Xã Tân Đức
49	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 3,37 ha)		3,37	Xã Tân Đức
50	Khu dân cư Trung tâm xã Tân Khánh (Tổng diện tích 18 ha, trong đó đất ở 4,5 ha)		4,50	Xã Tân Khánh
51	Khu dân cư Xuân Minh 2 xã Tân Khánh (Tổng diện tích 7 ha, trong đó đất ở 2,1 ha)		2,10	Xã Tân Khánh
52	Khu dân cư Trung tâm xã Tân Kim (Tổng diện tích 9,1 ha, trong đó đất ở là 2,73 ha)		2,73	Xã Tân Kim
53	Khu dân cư mới trung tâm xã Tân Thành (Tổng diện tích 17,5 ha, trong đó đất ở là 5,25 ha)		5,25	Xã Tân Thành
54	Khu dân cư nông thôn kết hợp khu vui chơi giải trí Tân Thành (tổng diện tích 55 ha, trong đó đất ở 16,5 ha)		16,50	Xã Tân Thành
55	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 1 (tổng diện tích 60 ha, trong đó đất ở 18 ha)		18,00	Xã Tân Thành
56	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thành 2 (tổng diện tích 66 ha, trong đó đất ở 19,8 ha)		19,80	Xã Tân Thành
57	Khu dân cư nông thôn kết hợp khu sinh thái Kim Thành (Tân Thành- Tân Kim) (tổng diện tích 123 ha, trong đó đất ở 36,9 ha		36,90	Xã Tân Thành, Tân Kim
58	Khu DC nông thôn mới (Tân Kim- Tân Thành) (tổng diện tích 85 ha, trong đó đất ở 25,5 ha)		25,50	Xã Tân Thành, Tân Kim
59	Khu dân cư nông thôn mới hồ Kim Đĩnh (Tân Kim- Tân Thành) (tổng diện tích 163 ha, trong đó đất ở 49,90 ha)		49,90	Xã Tân Thành, Tân Kim
60	Khu dân cư nông thôn mới nam hồ Kim Đĩnh (Tân Kim- Tân Thành- Tân Hoà) (tổng diện tích 88,6 ha, trong đó đất ở 26,4 ha)		26,40	Xã Tân Thành, Tân Kim,Tân Hoà
61	Khu dân cư số 2 xã Thanh Ninh (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở là 5 ha)		5,00	Xã Thanh Ninh
62	Đấu giá quyền sử dụng đất ở		0,05	Xã Thanh Ninh
63	Điểm dân cư nông thôn Đông Yên, xã Thượng Đình (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở là 1,5 ha)		1,50	Xã Thượng Đình
64	Khu dân cư Tân Lập- Huống xã Thượng Đình (Tổng diện tích 9 ha, trong đó đất ở 2,7 ha)		2,70	Xã Thượng Đình
65	Khu dân cư trung tâm xã Thượng Đình (Tổng diện tích 14 ha, trong đó đất ở 4,2 ha)		4,20	Xã Thượng Đình
66	Khu dân cư và tái định cư Thượng Đình (Tổng diện tích 10 ha, trong đó: đất ở 3 ha)		3,00	Xã Thượng Đình
67	Khu Đô thị - Dịch vụ Thượng Đình 1, tại xã Thượng Đình (Tổng diện tích 55 ha. Trong đó đất ở là 20,50 ha)		20,50	Xã Thượng Đình
68	Khu Đô thị - Dịch vụ Thượng Đình 2, xã Thượng Đình (Tổng diện tích 20 ha. Trong đó đất ở là 9,0 ha)		9,00	Xã Thượng Đình
69	Đấu giá quyền sử dụng đất 01 lô đất tại khu dân cư trung tâm xã Úc Kỳ		0,03	Xã Úc Kỳ
70	Khu dân cư Soi 1, xã Úc Kỳ (Tổng diện tích 15 ha, trong đó đất ở 10,60 ha)		10,60	Xã Úc Kỳ
71	Khu dân cư Ngọc Long, xã Úc Kỳ (Tổng diện tích 18 ha, trong đó đất ở 11,40 ha)		11,40	Xã Úc Kỳ
72	Khu dân cư trung tâm xã Úc Kỳ		1,50	Xã Úc Kỳ
73	Điểm dân cư Ngọc Xuân, xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương (Tổng diện tích 9 ha, trong đó đất ở là 2,7 ha)		2,70	Xã Xuân Phương

74	Dự án xây dựng Khu dân cư mới Xuân Phương, xã Xuân Phương (Tổng diện tích 0,75 ha, trong đó đất ở là 0,23 ha)		0,23	Xã Xuân Phương
75	Khu dân cư số 4 xã Xuân Phương (Tổng diện tích 19,5 ha, trong đó đất ở 10,0 ha)		10,00	Xã Xuân Phương
76	Khu dân cư số 5 xã Xuân Phương (Tổng diện tích 9 ha, trong đó đất ở 2,7 ha) (KDC Ngọc Xuân 2)		2,70	Xã Xuân Phương
77	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn trên địa bàn các xã, thị trấn.		5,07	Các Xã, Thị trấn
XXVII	**Đất ở tại đô thị**	**ODT**		
1	Đất ở tại khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 225 ha. Trong đó đất ở là 48,60 ha)		48,60	TT, Hương Sơn, xã Tân Hoà
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 2 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 0,22 ha, trong đó đất ở là 0,07 ha)		0,07	TT. Hương Sơn
3	Khu dân cư Hồ Dinh, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 1,42 ha, trong đó đất ở là 0,43 ha)		0,43	TT. Hương Sơn
4	Khu dân cư tổ dân phố số 04 thị trấn Hương Sơn		0,50	TT. Hương Sơn
5	Khu đô thị số 04 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 15,9 ha, trong đó đất ở là 4,68 ha)		4,68	TT. Hương Sơn
6	Khu đô thị số 12 (Tổng diện tích 11,8 ha, trong đó đất ở là 3,49 ha)		3,49	TT. Hương Sơn
7	Khu đô thị số 6 thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình (Tổng diện tích 3,9 ha, trong đó đất ở là 1,17 ha)		1,17	TT. Hương Sơn
8	Khu đô thị số 7 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 3,9 ha, trong đó đất ở là 1,17 ha)		1,17	TT. Hương Sơn
9	Khu đô thị số 8 (Tổng diện tích 15,8 ha, trong đó đất ở là 4,74 ha)		4,74	TT. Hương Sơn
10	Khu đô thị 2B, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 5 ha, trong đó đất ở 1,5 ha)		1,50	TT. Hương Sơn
11	Khu đô thị Cầu Cỏ thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 4 ha, trong đó đất ở là 1,2 ha)		1,20	TT. Hương Sơn
12	Khu đô thị Hòa Bình (Khu đô thị Nhà phố Việt cũ) (Tổng diện tích 27 ha, trong đó đất ở là 8,1 ha)		8,10	TT. Hương Sơn
13	Khu đô thị kiểu mẫu Phú Bình (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở là 6 ha)		6,00	TT. Hương Sơn
14	Khu đô thị Phú Bình 1 (tên cũ là Khu dân cư và thương mại Việt Cường) (Tổng diện tích 16,43 ha, trong đó đất ở là 4,31 ha)		4,31	TT. Hương Sơn
15	Khu đô thị Phú Bình 2 (tên cũ là Khu dân cư và Thương mại Thiên Phúc) (Tổng diện tích 15,96 ha, trong đó đất ở là 4,45 ha)		4,45	TT. Hương Sơn, Xã Xuân Phương, Nga My
16	Khu đô thị Phú Bình 4, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 16 ha, trong đó đất ở 4,8 ha)		4,80	TT. Hương Sơn
17	Khu đô thị Phú Bình 9 (Tổng diện tích 16 ha, trong đó đất ở 4,8 ha)		4,80	TT. Hương Sơn
18	Khu đô thị số 10 (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở là 3 ha)		3,00	TT. Hương Sơn
19	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 6,6 ha, trong đó đất ở là 1,98 ha)		1,98	TT. Hương Sơn
20	Khu đô thị số 15, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 12,53 ha, trong đó đất ở 3,76 ha)		3,76	TT. Hương Sơn
21	Khu đô thị số 5 thị trấn Hương Sơn		0,50	TT. Hương Sơn

22	Khu đô thị số 9 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 3 ha)		3,00	TT. Hương Sơn
23	Khu đô thị số 9A thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 1,50 ha)		1,50	TT. Hương Sơn
24	Khu đô thị số số 13 (Tổng diện tích 15 ha, trong đó đất ở 4,5 ha)		4,50	TT. Hương Sơn
25	Khu tái định cư Hương Sơn (Tổng diện tích 15 ha, trong đó đất ở là 4,5 ha)		4,50	TT. Hương Sơn
26	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang) (Tổng diện tích 4 ha. Trong đó đất ở là 1,2 ha)		1,20	TT. Hương Sơn
27	Khu tái định cư số 2 thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 14 ha, trong đó đất ở là 4,2 ha)		4,20	TT. Hương Sơn
28	Khu đô thị Phú Bình 11, huyện Phú Bình (Tổng diện tích 16,1 ha, trong đó đất ở 6,76 ha)		6,76	TT. Hương Sơn-Xuân Phương
29	Khu đô thị số 9A thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 1,10 ha)		1,10	TT. Hương Sơn-Xuân Phương
30	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị		0,09	TT. Hương Sơn
31	Khu đô thị Cầu Hanh (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 8,54 ha)		8,54	Xã Điềm thuỵ, Nhã Lộng, Thượng Đình
32	Khu đô thị Đồng Đầm (Tổng diện tích 38 ha, trong đó đất ở 10,4 ha)		10,40	Xã Điềm Thuỵ
33	Khu đô thị sinh thái Seoul Park City Thái Nguyên thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 38,4 ha, trong đó đất ở là 10,22 ha)		10,22	Xã Điềm Thuỵ
34	Khu đô thị số 1 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 8,6 ha, trong đó đất ở là 2,28 ha)		2,28	Xã Điềm Thuỵ
35	Khu đô thị số 10 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 15 ha, trong đó đất ở 3,0 ha)		3,00	Xã Điềm Thuỵ
36	Khu đô thị số 11 thuộc đô thị mới Điềm Thuỵ (nhà ở xã hội) - Saigontel (Tổng diện tích 6,25 ha, trong đó đất ở 1,40 ha)		1,40	Xã Điềm Thuỵ
37	Khu đô thị số 12 Điềm Thụy (Tổng diện tích 10 ha, trong đó đất ở 2,50 ha)		2,50	Xã Điềm Thuỵ
38	Khu đô thị số 2 thuộc khu đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 9 ha, trong đó đất ở là 2,50 ha)		2,50	Xã Điềm Thuỵ
39	Khu đô thị số 3 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 12 ha, trong đó đất ở là 3,6 ha)		3,60	Xã Điềm Thuỵ
40	Khu đô thị số 4 (thuộc đô thị mới Điềm Thụy) (Tổng diện tích 40 ha, trong đó đất ở là 5,40 ha)		5,40	Xã Điềm Thuỵ
41	Khu đô thị số 5 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 8 ha, trong đó đất ở 1,90 ha)		1,90	Xã Điềm Thuỵ
42	Khu đô thị số 6 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 7,8 ha, trong đó đất ở là 1,54 ha)		1,54	Xã Điềm Thuỵ
43	Khu đô thị số 7, đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 24 ha, trong đó đất ở là 5,40 ha)		5,40	Xã Điềm Thuỵ
44	Khu đô thị số 8 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 25 ha, trong đó đất ở 2,5 ha)		2,50	Xã Điềm Thuỵ
45	Khu đô thị số 9 thuộc đô thị mới Điềm Thụy (Tổng diện tích 38 ha, trong đó đất ở 3,80 ha)		3,80	Xã Điềm Thuỵ

46	Khu dân cư Phương Độ xã Xuân Phương (Tổng diện tích 78,0 ha, trong đó đất ở 12,95 ha)		12,95	Xã Xuân Phương
47	Khu đô thị Phú Bình (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 4,20 ha)		4,20	Xã Xuân Phương
48	Khu đô thị số 3 Xuân Phương (Tổng diện tích 20 ha, trong đó đất ở 4,50 ha)		4,50	Xã Xuân Phương
49	Khu đô thị số 9B huyện Phú Bình (Tổng diện tích 15,3 ha, trong đó đất ở 3,70 ha)		3,70	Xã Xuân Phương
50	Khu đô thị số 2 xã Xuân Phương (Tổng diện tích 18,8 ha, trong đó đất ở 3,90 ha)		3,90	Xã Xuân Phương
51	Khu đô thị số 1 xã Xuân Phương (Tổng diện tích 12 ha, trong đó đất ở 3,50 ha)		3,50	Xã Xuân Phương
52	Khu đô thị số 3, thị trấn Hương Sơn (Tổng diện tích 18 ha, trong đó đất ở 7,80 ha)		7,80	TT. Hương Sơn-Xuân Phương
XXVIII	**ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN**	**TSC**		
1	Đất trụ sở cơ quan trong Khu đô thị hành chính - Dịch vụ tổng hợp Phú Bình (Tổng diện tích 150 ha, trong đó đất trụ sở cơ quan 8,62 ha)		8,62	TT. Hương Sơn
2	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự TT Hương Sơn		0,05	TT. Hương Sơn
3	Chi Cục thi hành án huyện		0,36	TT. Hương Sơn
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Lý		0,15	Xã Bảo Lý
5	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Dương Thành		0,10	Xã Dương Thành
6	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hà Châu		0,05	Xã Hà Châu
7	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Kha Sơn		0,35	Xã Kha Sơn
8	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Lương Phú		0,10	Xã Lương Phú
9	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Nga My		0,05	Xã Nga My
10	Xây dựng khu trung tâm xã Nhã Lộng (hạng mục: cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND xã; Nhà làm việc bộ phận một cửa; Nhà đa năng)		0,10	Xã Nhã Lộng
11	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Nhã Lộng		0,07	Xã Nhã Lộng
12	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Đức		0,20	Xã Tân Đức
13	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Hòa		0,10	Xã Tân Hoà
14	Đất trụ sở cơ quan trong Khu Đô thị - Dịch vụ - Tổng hợp Phú Bình (Tổng diện tích 150 ha, trong đó đất trụ sở cơ quan 7,16 ha)		7,16	Xã Tân Hoà
15	Trụ sở UBND xã Tân Khánh		0,03	Xã Tân Khánh
16	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Khánh		0,05	Xã Tân Khánh
17	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Kim		0,15	Xã Tân Kim
18	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Thành		0,05	Xã Tân Thành
19	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Ninh		0,27	Xã Thanh Ninh
20	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thượng Đình		0,07	Xã Thượng Đình
21	Công trình mở rộng trụ sở UBND xã Úc Kỳ		0,08	Xã Úc Kỳ
22	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Úc Kỳ		0,07	Xã Úc Kỳ
23	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Phương		0,10	Xã Xuân Phương